TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiểu

Bà Trần Thị Kim Đồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2023/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Xa G**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Châu P**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Xa G trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Châu P xây dựng hôn nhân vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào ngày 30/11/2003. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này chung sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, sống không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly

thân khoảng 01 năm nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Châu P.

- Về con chung: Chị G và anh Châu P có 02 con chung gồm Châu V, sinh ngày 11/3/1997 và Thạch D, sinh ngày 26/4/2001. Hiện Châu V và Thạch D đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Châu P trình bày:* Thống nhất với trình bày của chị G về quá trình tạo lập hôn nhân, về con chung. Sau khi kết hôn năm 1993, vợ chồng ra riêng tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Năm 2005, vợ chồng đi làm tại tỉnh Đồng Nai, khoảng năm 2016 về nhà. Đến khoảng năm 2018, chị G đi làm công ty ở Khu công nghiệp H được 03 năm, đi làm ở B 02 năm, sau đó đi làm ở Long An được vài tháng thì về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Còn anh Châu P ở nhà để chăn nuôi bò, làm thuê từ năm 2016 cho đến nay.

Trong đời sống hôn nhân, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, không có cự cãi. Tuy nhiên anh Châu P thừa nhận vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, anh có nhậu với bạn bè vào buổi chiều tối, anh thường tự quyết định các vấn đề trong gia đình mà không hỏi ý kiến của chị G.

Theo yêu khởi kiện của chị G thì anh Châu P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G, yêu cầu được đoàn tụ vì vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G thì anh Châu P không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung, chị G và anh Châu P tự thỏa thuận. Riêng con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị G không đồng ý đoàn tụ theo đề nghị của anh Châu P và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với anh Châu P.

Bị đơn anh Châu P không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Xa G. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị G được ly hôn với anh anh Châu P; về con chung: đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Miễn tiền án phí cho chị G theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Thạch Thị Xa G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Châu P; anh Châu P có nơi cư trú tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Xa G và anh Châu P thành hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/11/2003, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 2, nên hôn nhân giữa chị G và anh Châu P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị G cho rằng trong đời sống hôn nhân vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân nên chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Châu P. Còn anh Châu P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G nhưng anh P không đưa ra được phương án đoàn tụ để được chị G chấp nhận. Anh Châu P thừa nhận trong đời sống hôn nhân anh thường xuyên nhâu nhẹt, tự quyết định các vấn đề lớn trong gia đình mà không hỏi ý kiến của chị G, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 03/01/2024, bà Thạch Thị H là mẹ ruột của chị G cho biết: Sự việc con tôi (chị G) khởi kiện yêu cầu ly hôn với Châu P là do Châu P thường xuyên rượu chè, không nghe lời khuyên can của người lớn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Trước khi con tôi khởi kiện thì tôi được biết con tôi đã cho Châu P cơ hội nhưng Châu P không thay đổi.

Xét thấy, trong đời sống hôn nhân giữa chị G và anh Châu P là có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị G yêu cầu được ly hôn với anh Châu P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị G và anh Châu P có 02 con chung gồm Châu V, sinh ngày 11/3/1997 và Thạch D, sinh ngày 26/4/2001. Hiện Châu V và Thạch D đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng do chị G là người dân tộc Khơmer, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí. Do đó, miễn toàn bộ tiền án phí cho chị G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Xa G.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thạch Thị Xa G được ly hôn với anh Châu P.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung gồm Châu V, sinh ngày 11/3/1997 và Thạch D, sinh ngày 26/4/2001. Hiện Châu V và Thạch D đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thạch Thị Xa G.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn
(Giấy CNKH số 193, ngày 30/11/2003)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THÀNH LUÂN